

Bản án số: **29/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 08 - 5 - 2018

V/v: “Xin ly hôn,
Tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu In

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chung Kim Sang

2. Bà Lê Thị Mỹ

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa:
Bà Danh Tường Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 432/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017, về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Mã Thị Kim T, sinh năm 1985 (*có mặt*);

HKT: Số 70 đường C, khu phố C1, phường Q, Tp. G, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 52 đường A, khu phố 2, phường L, Tp. G, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1982, là trợ giúp viên của trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (*có mặt*).

** Bị đơn:* Anh Hà Văn H, sinh năm 1984 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Số 70 đường C, khu phố C1, phường Q, Tp. G, tỉnh Kiên Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phan Thị T1 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: Số 70 đường C, khu phố C1, phường Q, Tp. G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13/11/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Mã Thị Kim

T trình bày: Tôi và anh H tự nguyện quen nhau, có tổ chức lễ cưới năm 2015, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Q, Tp. G, Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/9/2015.

Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại địa chỉ số 70 đường C, khu phố C1, phường Q, Tp. G, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 3/2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H thường xuyên gây gỗ, đánh đập chị T nên vợ chồng xảy ra cự cãi, bất hòa; mặc dù chị T và anh H đã tự hòa giải để đoàn tụ và được hai bên gia đình hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên sâu sắc và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ ngày 07/8/2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị T làm đơn xin ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị T xác định anh chị có 01 người con chung tên Hà Hoàng P, sinh ngày 08/5/2016, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T xác định không có.

Tại phiên tòa, chị T xác định giữ nguyên phần trình bày.

* Bị đơn anh Hà Văn H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh H không có ý kiến trình bày. Tại phiên tòa, anh H vắng mặt không có lý do.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T1 đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập, quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bà T1 không có ý kiến trình bày. Tại phiên tòa, bà T1 vắng mặt không có lý do.

* Quan điểm của bà Trần Thị D - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Mã Thị Kim T: Giữa chị T và anh H kết hôn hợp pháp năm 2015. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 và khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh Hà Văn H, giao con chung là cháu Hà Hoàng P, sinh ngày 08/5/2016 cho chị T nuôi dưỡng. Về tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định xét xử đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Căn cứ Điều 28, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là vụ án: “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Thẩm phán đã xác định tư cách tham gia tố tụng của các bên đương sự và đưa những người này tham gia tố tụng đúng trình tự quy định.

Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi xem xét toàn bộ nội dung, tài liệu có trong hồ sơ vụ án “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn Mã Thị Kim T và bị đơn anh Hà Văn H, đối chiếu các quy định tại Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 3 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Tòa án cần chấp nhận yêu cầu của chị Mã Thị Kim T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Hà Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt anh Hà Văn H, bà Phan Thị T1.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Mã Thị Kim T khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Hà Văn H. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mã Thị Kim T và anh Hà Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân phường Q, Tp. G, Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/9/2015, nên theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân xin ly hôn chị T xác nhận là do anh H thường xuyên gây gổ, đánh đập chị T và anh H dùng lời lẽ xúc phạm gia đình chị T nên vợ chồng xảy ra cự cãi, bất hòa; mặc dù chị T và anh H đã tự hòa giải để đoàn tụ và được hai bên gia đình hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên sâu sắc và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ ngày 07/8/2017. Nay chị T xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với anh H. Phía anh H không có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng chị T và anh H không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc; thời gian anh chị sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị T xác định anh chị chung sống có 01 người con chung tên Hà Hoàng P, sinh ngày 08/5/2016. Hiện nay cháu P đang sống chung với anh H. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con

Lý do anh H đang nuôi dưỡng cháu P theo chị T trình bày là: Ngày 07/8/2017 khi anh H đuổi chị T ra khỏi nhà thì mẹ anh H là bà Phan Thị T1 hăm dọa chị T, không cho chị T bắt cháu P đi, bà T1 nói nếu chị T bắt con đi thì nếu cháu P có bị bệnh thì bà và anh H sẽ làm lớn chuyện, bà T1 nói nếu chị T để cháu P cho bà T1 và anh H chăm sóc thì chị T muốn qua thăm lúc nào cũng được, với lý do đó nên chị T về nhà mẹ ruột mà không đem cháu Hoàng P theo. Phần trình bày nêu trên của chị T không được bà Phan Thị T1 thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Mặc dù, hiện nay chị T không phải là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hà Hoàng P. Tuy nhiên, cháu Hoàng P hiện nay còn quá nhỏ, tính đến ngày xét xử cháu P mới được 02 tuổi (24 tháng tuổi) nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của người mẹ.

Đồng thời, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*.

Tại phiên tòa, chị T xác định chị có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng P.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Hoàng P cho chị T nuôi dưỡng. Do chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T xác định không có.

Do anh H không có ý kiến tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên anh H có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

*** Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc chị Mã Thị Kim T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009719 ngày 17/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mã Thị Kim T được ly hôn với anh Hà Văn H.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Hà Hoàng P, sinh ngày 08/5/2016 cho chị Mã Thị Kim T nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Hà Văn H được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Chị Mã Thị Kim T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Chị Mã Thị Kim T xác định không có.

5/ Về án phí: Buộc Mã Thị Kim T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009719 ngày

17/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; nên chị T không phải nộp thêm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

** Nơi nhận:*

- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THU IN